TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày 23-01-2024
"V/v tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Cụ Phùng Thị Th, sinh năm 1947

Địa chỉ: Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của cụ Th là ông Lê Chí Ng, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp CG, xã TH, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2021 (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Th là ông Thái Huyền Tr, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 338/5A đường QT, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh CM.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1/ Ông Lê Chí Th, sinh năm 1962 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau
2/ Ông Lê Chí Ng, sinh năm 1967 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp CG, xã TH, huyện CN, tỉnh Cà Mau
3/ Ông Lê Công Ng, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp KL, xã ĐM, huyện NH, tỉnh CM
4/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1970 (Có mặt)
5/ Bà Lê Thị S, sinh năm 1973 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp LĐ, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau
6/ Bà Lê Bé B, sinh năm 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau
7/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Giáp Nước, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
8/ Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1977 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp NT B, xã ĐT, huyện CN, tỉnh Cà Mau
9/ Bà Lê Thị U, sinh năm 1982 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã KH, huyện UM, tỉnh Cà Mau
10/ Ông Lê Hoàng U, sinh năm 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã TP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu
11/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của cụ Phùng Thị Th là ông Lê Chí Ng trình bày:

Cụ Phùng Thị Th và cụ Lê Văn H kết hôn vào năm 1962, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa cụ Th và cụ H có 13 người con chung gồm: Ông Lê Chí Th, ông Lê Chí Ng, ông Lê Công Ng, bà Lê Thị N, bà Lê Thị S, bà Lê Bé B, bà Lê Thị T, bà Lê Thị Ch, ông Lê Hoàng D, bà Lê Thị U, bà Lê Thị Th (sinh năm 1984, chết năm 1987), ông Lê Hoàng Nh (sinh năm 1986, chết năm 1987), ông Lê Hoàng U. Ngoài ra, giữa cụ Th và cụ H không có con chung hay con riêng nào khác.

Vào năm 1973 khi nhà nước có chủ trương trang trải ruộng đất thì chú chồng của cụ Th là cụ Lê Thái A(tên gọi khác là Năm D) cho cụ Th và cụ H một phần đất

canh tác, đến năm 1995 thì được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất cụ H và cụ Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 19.230m^2 tọa lạc tại ấp Rau Dừa C, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, (nay là Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 651163, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 28004/QSDĐ ngày 22/9/1995 do cụ Lê Văn H đứng tên quyền sử dụng. Cụ Th và cụ H quản lý, sử dụng phần đất từ năm 1973 cho đến khi cụ H chết vào năm 2017. Sau khi cụ H chết thì cụ Th soạn đồ của cụ H thì cụ Th phát hiện tờ di chúc viết tay đề ngày 09/01/2017 dương lịch với nội dung, cụ H và cụ Th để lại toàn bộ phần đất của cụ H và cụ Th cho ông U và ông D. Đến ngày 18/7/2017 gia đình có họp lại, tại cuộc họp gồm có cụ Th, ông U, ông D, ông Ng, bà T, bà Ch, bà N, bà U, bà S, bà B (Cụ Th và bà B có mặt nhưng không ký tên) với nội dung chia đều phần đất ruộng cho ông D và ông U, phần nhà thì giao cho ông D để chăm sóc, phụng dưỡng cụ Th. Tuy nhiên, sau đó ông D không chăm sóc, phụng dưỡng cụ Th ngược lại còn có hành vi ngược đãi đối với cụ Th.

Đối với tờ di chúc đề ngày 09/01/2017 dương lịch, cụ Th xác định là chữ viết của cụ H, nhưng chữ Phùng Thị Th trong tờ di chúc không phải của cụ Th, cụ Th không biết việc cụ H lập di chúc để lại tài sản cho ông U và ông D. Cụ Th xác định phần đất mà cụ H lập di chúc để lại cho ông U và ông D là tài sản chung của cụ Th và cụ H, do đó việc cụ H lập di chúc để toàn bộ phần đất cho ông D và ông U là không đúng.

Phần đất đang tranh chấp với ông U và ông D thì cụ Th đang quản lý phần đất diện tích 788,7m^2 (cạnh M10, M12, M1, M2, M11), ông D và bà Mỹ quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 19.658,9m^2 (cạnh M9, M10, M11, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8) theo Bãn vẽ hiện trạng ngày 21/4/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên Môi trường Dâng Phong.

Hiện trạng trên đất:

+ Phần đất cụ Th đang quản lý, sử dụng: 01 căn nhà chính (nhà cấp 4), 02 căn nhà phụ, 01 mái che, 01 cây nước, 01 cây mai vàng lớn, 01 cây nước là tài sản chung của cụ H và cụ Th; 01 bể nuôi ba ba, 01 nhà mồ, 01 cây xoài, 03 cây khế, 3 cây vú sữa, 01 cây mít, 04 cây mai vàng nhỏ là của cụ Th trồng và xây dựng sau khi cụ H chết; 01 cây mận, 02 cây dừa là do ông D trồng; 01 căn nhà của bà Lê Bé B.

+ Phần đất của ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng: 01 căn nhà của ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị M và 20 cây dừa do ông D và bà Mỹ trồng, 01 cống xổ nước của cụ H và cụ Th.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cụ Th yêu cầu chia đôi tài sản chung giữa cụ Th và cụ H là phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 20.447,6m^2 tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau, phần di sản của cụ H thì chia thừa kế theo pháp luật cho cụ Th và 11 người con của cụ Th và cụ H.

Tại phiên tòa, cụ Th yêu cầu chia đôi tài sản chung của cụ Th và cụ H là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 20.447,6m^2 tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau, cụ Th và cụ H mỗi người 10.223,8m^2, phần di sản của cụ H thì thực hiện theo di chúc của cụ H chết để lại chia đều cho ông U và ông D. Đối với tài sản thừa kế mà ông U và ông D được nhận, cụ Th sẽ trả lại cho ông U, ông D phần giá trị.

Cụ Th tự nguyện trả lại cho ông D 20.000.000 đồng trong tổng số tiền mà ông D đã trả cho Ngân hàng Nông Ngh và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước là 40.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị N, bà Lê Thị S, bà Lê Bé B, bà Lê Thị U, bà Lê Thị Ch, ông Lê Chí Ng trình bày:

Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 20.447,6m^2, tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau theo Bãn vẽ hiện trạng ngày 21/4/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên Môi trường Dâng Phong là tài sản chung của cụ H và cụ Th, mỗi người 10.223,8m^2. Nguồn gốc phần đất là do cụ Năm D cho cụ H và cụ Th vào khoảng năm 1973, con nào cũng là con nên việc cụ H lập di chúc để lại cho ông U và ông D là không phù hợp nên ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U yêu cầu chia đều phần đất có diện tích 10.223,8m^2 là di sản của cụ H để lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm: Cụ Th, ông Th, ông Ng, ông Ngh, bà N, bà S, bà B, bà T, bà Ch, bà U, ông D, ông U. Ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U yêu cầu được nhận phần giá trị.

Tại phiên tòa, ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U thống nhất với yêu cầu của cụ Th, di sản của cụ H chết để lại là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 20.447,6m^2 chia đều cho cụ Th và cụ H mỗi người 10.223,8m^2, phần di sản của cụ H thì chia đều cho ông D và ông U mỗi người 5.119,9m^2. Ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập đối với ông D và ông U về việc chia phần di sản của cụ H là phần đất có diện tích 10.223,8m^2 cho hàng thừa kế của cụ H.

Đối với 01 căn nhà chính (nhà cấp 4), 02 căn nhà phụ, 01 mái che, 01 cây nước, 01 cây mai vàng lớn, 01 cây nước, 01 cống xổ nước là tài sản chung của cụ H và cụ Th thì ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U thống nhất để lại cho cụ Th quản lý, sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/9/2023 và tại phiên tòa ông Lê Hoàng D trình bày:

Cha ông là cụ Lê Văn H, sinh năm 1943 (chết năm 2017), mẹ ông là cụ Phùng Thị Th, sinh năm 1947, trong quá trình chung sống cụ H và cụ Th có 13 người con chung như cụ Th đã trình bày. Ngoài ra, giữa cụ H và cụ Th không còn người con chung hoặc con riêng nào khác.

Đối với nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là do cụ Lê Thái A(tên gọi khác là Năm D) chú ruột của cụ H cho cụ H vào khoảng năm 1980. Đến năm 1995 thì cụ H được Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất cụ H được cấp có diện tích 19.230m^2 (theo đo đạc thực tế là 20.447,6m^2) phần đất toạ lạc tại ấp Rau Dừa C, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Rau Dừa C, xã Hoà Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau). Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ H và cụ Th quản lý, sử dụng đến khi cụ H chết (năm 2017). Trước khi chết cụ H có lập di chúc để lại toàn bộ phần đất của cụ H cho ông và ông U. Tờ di chúc đề ngày 09/01/2017 là do cụ H tự viết, chữ ký và ghi Phùng Thị Th trong tờ di chúc là do cụ H viết. Sau khi cụ H chết đến ngày 18/7/2017 thì gia đình có họp lại, cụ Th có đem di chúc của cụ H ra để công bố có sự chứng kiến của anh chị em trong gia đình và viết nội dung cuộc họp vào tờ di chúc. Từ dòng chữ hôm nay ngày 18/7/2017 trở về sau là nội dung cuộc họp gia đình do con của ông Ng viết, cụ Th và bà B có chứng kiến nhưng không ký tên. Nội dung cuộc họp là anh em thống nhất với tờ di chúc của cụ H chết để lại, phần đất ruộng chia đều cho ông và ông U (17.000m^2), đối với phần đất có căn nhà diện tích 2.230m^2 thì giao lại cho ông và ông có nghĩa vụ phụng dưỡng cụ Th. Đồng thời, theo nội dung cuộc họp thì phần đất của ông U được nhận từ cụ H thì ông U sẽ để lại cho ông quản lý, sử dụng đến khi mẹ ông là cụ Th chết thì ông giao lại phần đất này cho ông U, ông phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền cụ H và cụ Th nợ là 40.000.000 đồng. Sau đó, ông vay tiền bên ngoài và mượn vàng của bà Lê Thị T cầm ở tiệm vàng và trả cho Ngân hàng, sau khi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì ông đưa cho cụ Th giữ.

Sau đó, ông ở chung với cụ Th, ở được một năm thì cụ Th kêu ông ra ở riêng, sau đó ông thấy cụ Th không còn đất canh tác nên ông và ông U có họp lại

cho cụ Th mượn phần đất từ 02 đầm công Ngh trở ra mặt tiền phần đất có căn nhà, tổng diện tích khoảng 4 đến 5 công tầm nhỏ.

Đến năm 2020 thì gia đình có họp lại với nhau gồm có ông, ông U, ông Ng, bà Ch, bà T, bà N lập bản hợp đồng, nội dung cụ Th cho ông thuê lại phần đất trước đây ông và ông U cho cụ Th mượn, mỗi năm 5.000.000 đồng, nhưng hai năm đầu 2020 đến năm 2022 là 10.000.000 đồng trả cho Ngân hàng, từ năm thứ 3 mỗi năm là 5.000.000 đồng trả trực tiếp cho cụ Th, thời hạn thuê là 10 năm. Còn phần đất thuê của ông U mỗi năm 1.000.000 đồng, thời hạn thuê 10 năm. Bản hợp đồng là do ông U viết, có đại diện anh chị em là ông Ng ký tên. Khoảng 02 tháng sau thì cụ Th yêu cầu ông và ông U trả lại toàn bộ phần đất và làm đơn yêu cầu đến Uỷ ban nhân dân xã Hoà Mỹ, rồi khởi kiện đến Toà án.

Đối với việc cụ Th xác định phần đất của cụ H chết để lại là tài sản chung của cụ H và cụ Th, cụ Th yêu cầu được nhận ½ trong phần đất 20.447,6m^2, phần còn lại cụ Th yêu cầu chia đều cho 11 người con và cụ Th thì ông không đồng ý, vì phần đất này là đất cụ Dệ cho riêng cụ H và cụ H đã lập di chúc để lại cho ông và ông U. Đối với yêu cầu độc lập của ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U về việc chia phần di sản của cụ H theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H thì ông không đồng ý.

Phần đất cụ H chết để lại thì cụ Th quản lý một phần có diện tích 788,7m^2, ông quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 19.658,9m^2 (bao gồm phần đất ông U cho ông thuê). Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông với ông U và ông với cụ Th thì ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với phần đất của cụ H, sau khi cụ H chết đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi, ông không có đầu tư hay cải tạo gì trên phần đất. Trên di chúc thì chia cho ông và ông U, tuy nhiên giữa ông và ông U cũng chưa xác định vị trí nào là phần đất của ông và vị trí nào là phần đất của ông U.

Hiện trạng trên đất:

+ Phần đất cụ Th đang quản lý, sử dụng: 01 căn nhà chính (nhà cấp 4), 02 căn nhà phụ, 01 mái che, 01 cống xổ vuông, 01 cây nước, 01 cây mai vàng lớn, 01 cây nước là tài sản chung của cụ H và cụ Th; 01 bể nuôi ba ba, nhà mồ và các cây trồng khác như 01 cây xoài, 03 cây khế, 3 cây vú sữa, 01 cây mít, 04 cây mai vàng nhỏ là của cụ Th trồng và xây dựng sau khi cụ H chết; 01 cây mận, 02 cây dừa là do ông trồng; 01 căn nhà của bà Lê Bé B.

+ Phần đất của ông và bà Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng: 01 căn nhà cây lá địa phương của ông và bà Nguyễn Thị M cất và 20 cây dừa do ông và bà Mỹ trồng.

Tại phiên tòa, ông D trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu của cụ Th, di sản của cụ H chết để lại là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 20.447,6m^2 chia đều cho cụ Th và cụ H mỗi người 10.223,8m^2, phần di sản của cụ H thì chia đều cho ông và ông U mỗi người 5.119,9m^2. Ông yêu cầu nhận phần giá trị với số tiền 474.377.000 đồng, giao đất lại cho cụ Th quản lý, sử dụng.

Đối với các cây trồng và công trình xây dựng là di sản của cụ H thì ông giao lại toàn bộ cho cụ Th quản lý, sử dụng do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông sẽ tự di dời nhà và cây trồng của ông để giao lại đất cho cụ Th, ông không yêu cầu cụ Th bồi thường, hỗ trợ di dời.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/9/2023 và tại phiên tòa ông Lê Hoàng U trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông Lê Hoàng D.

Đối với việc cụ Th xác định phần đất của cụ H chết để lại là tài sản chung của cụ H và cụ Th, cụ Th yêu cầu được nhận ½ trong phần đất 20.447,6m^2, phần còn lại chia đều cho 11 người con và cụ Th thì ông không đồng ý, vì phần đất này là phần đất ông Dệ cho riêng cụ H và cụ H đã lập di chúc để lại cho ông và ông D. Hiện phần đất được cho ông không quản lý, sử dụng mà đã cho ông D thuê lại mỗi năm là 1.000.000 đồng. Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông và ông D thì ông không yêu cầu Toà án giải quyết, tự ông và ông D thoả thuận với nhau. Đối với phần đất của cụ H, sau khi cụ H chết đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi, ông không có đầu tư hay cải tạo gì. Trên di chúc thì chia cho ông và ông D, tuy nhiên giữa ông và ông D cũng chưa xác định vị trí nào là phần đất của ông và vị trí nào là phần đất của ông D. Đối với phần đất đang tranh chấp cụ Th đang quản lý, sử dụng một phần có diện tích tích 788,7m^2, ông D quản lý, sử dụng một phần có diện tích 19.658,9m^2.

Đối với việc cụ Th xác định phần đất của cụ H chết để lại là tài sản chung của cụ H và cụ Th, cụ Th yêu cầu được nhận ½ trong phần đất 20.447,6m^2, phần còn lại cụ Th yêu cầu chia đều cho 11 người con và cụ Th thì ông không đồng ý, vì phần đất này là phần đất cụ Dệ cho riêng cụ H và cụ H đã lập di chúc để lại cho ông và ông D. Đối với yêu cầu độc lập của ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U về việc chia phần di sản của cụ H theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H thì ông không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Lê Hoàng U trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu của cụ Th, di sản của cụ H chết để lại là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 20.447,6m^2 chia đều cho cụ Th và cụ H mỗi người 10.223,8m^2, phần di sản của cụ H thì chia đều cho ông và ông D mỗi người 5.119,9m^2. Ông yêu cầu nhận phần giá trị với số tiền 474.377.000 đồng, giao đất lại cho cụ Th quản lý, sử dụng.

Đối với các cây trồng, nhà và công trình xây dựng là di sản của cụ H thì ông giao lại toàn bộ cho cụ Th quản lý, sử dụng do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/11/2023 ông Lê Công Ng trình bày:

Ông là con ruột của cụ Phùng Thị Th và cụ Lê Văn H, ông là người con thứ tư trong gia đình. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do cụ Năm D (là chú ruột của cụ H) cho cụ H vào trước năm 1982 (Không nhớ thời gian cụ Thể) đến năm 1995 thì cụ H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 19.230m^2 do cụ H đứng tên quyền sử dụng, phần đất tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Trước khi cụ H chết thì cụ H có lập di chúc để lại toàn bộ phần đất cho hai người con ruột là Lê Hoàng D và Lê Hoàng U. Nay cụ Phùng Thị Th khởi kiện ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng U để yêu cầu nhận ½ phần đất cụ H đứng tên quyền sử dụng, ½ còn lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H thì ông không đồng ý. Vì phần đất này là của cụ Năm D cho riêng cụ H, trước khi chết cụ H đã lập di chúc để lại cho ông D và ông U. Đối với vụ án thì ông không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/11/2023 ông Lê Chí Th trình bày:

Ông là con ruột của cụ Phùng Thị Th và cụ Lê Văn H, ông là người con thứ hai trong gia đình. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do cụ Năm D (là chú ruột của cụ H) cho cụ H vào khoảng năm 1981 - 1982 (Không nhớ thời gian cụ Thể) đến năm 1995 thì cụ H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 19.230m^2 do cụ H đứng tên quyền sử dụng, phần đất tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Trước khi cụ H chết thì cụ H có lập di chúc để lại toàn bộ phần đất cho hai người con ruột là Lê Hoàng D và Lê Hoàng U. Nay cụ Phùng Thị Th khởi kiện ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng U để yêu cầu nhận ½ phần đất cụ H đứng tên quyền sử dụng, ½ còn lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H thì ông không đồng ý. Vì phần đất này là của cụ Năm D cho riêng cụ H, trước khi chết cụ H đã lập di chúc để lại cho ông D và ông U. Đối với vụ án ông không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/5/2023 bà Lê Thị T trình bày:

Bà là con ruột của cụ Lê Văn H và cụ Phùng Thị Th, trong thời gian chung sống giữa cụ H và cụ Th tạo lập được nhà và phần đất theo giấy chứng nhận được cấp là 19.230m^2 tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 22/6/2017 thì cụ H chết.

Nay cụ Phùng Thị Th khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để nhận ½ phần đất cụ H đứng tên quyền sử dụng, ½ còn lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H. Đối với vụ án bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu bà được chia phần di sản nào của cụ H thì bà từ chối nhận. Đối với phần di sản bà từ chối nhận yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà không yêu cầu chia cho ai mà chia đều cho hàng thừa kế của cụ H. Việc bà từ chối nhận di sản của cụ H là hoàn toàn tự nguyện và không nhằm trốn tránh trách nhiệm với ai.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Hoàng D, đối với phần đất cụ Th yêu cầu Toà án giải quyết thì bà và ông D đang quản lý một phần với diện tích 19.658,9m^2, trên phần đất bà và ông D quản lý thì bà và ông D có cất một căn nhà cây lá địa phương và trồng 20 cây dừa. Nay cụ Th yêu cầu được nhận đất và trả lại phần giá trị đất cho ông D nên bà sẽ tự nguyện di dời nhà, cây trồng đi nơi khác để giao lại đất cho cụ Th, bà không yêu cầu cụ Th phải hỗ trợ di dời hay bồi thường gì.

Đối với ông Lê Chí Th, ông Lê Công Ng, bà Lê Thị T, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập ông Th, ông Ngh, bà T để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông Th, ông Ngh, bà T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phùng Thị Th đối với ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng U về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất. Xác định phần đất diện tích 19.230m^2 (theo đo đạc thực tế là 20.447,6m2) tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau là tài sản chung của cụ Lê Văn H và cụ Phùng Thị Th, mỗi người được ½. Công nhận tờ di chúc ngày 09/01/2017 của cụ Lê Văn H là hợp

pháp đối với phần đất diện tích 10.223,8m^2, ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng U mỗi người được nhận thừa kế của cụ Lê Văn H phần đất có diện tích 5.111,9m^2, giao phần đất cho cụ Phùng Thị Th, cụ Th có nghĩa vụ trả cho ông D, ông U phần giá trị đất với số tiền 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đối với mỗi người. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị M về việc di dời 01 căn nhà và 20 cây dừa để giao lại cho cụ Phụng Thị Thôi phần đất có tổng diện tích 19.658,9m^2.

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Phùng Thị Th về việc trả lại cho ông Lê Hoàng D số tiền mà ông D đã trả cho Ngân hàng Nông Ngh và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Chí Ng, bà Lê Thị S, bà Lê Bé B, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị U về việc yêu cầu chia di sản của cụ Lê Văn H cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự phải chịu theo quy đinh của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn cụ Phùng Thị Th với bị đơn ông Lê Hoàng D là "Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập ông Lê Chí Th, ông Lê Công Ng, bà Lê Thị T hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông Th, ông Ngh, bà T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với ông Th, ông Ngh, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Theo nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp do cụ Lê Thái A(tên gọi khác là Năm D) cho vào khoảng từ năm 1973 đến năm 1982. Cụ Th, ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U xác định cụ Dệ cho cụ H và cụ Th nên đây là tài sản chung của cụ H và cụ Th. Đối với ông D, ông U, ông Th, ông Ngh cho rằng cụ Dệ cho riêng cụ H nên đây là tài sản riêng của cụ H. Tại phiên tòa, ông U và ông D đồng ý xác định đây là tài sản chung của

cụ H và cụ Th. Hội đồng xét xử nhận thấy, cụ H và cụ Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1962 không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, đối với trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo các bên đương sự thống nhất xác định cụ Dệ cho đất vào khoảng từ năm 1973 đến năm 1982, thời kỳ này đang áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 1959, theo Điều 15 quy định "*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*". Do đó, dù cho cụ Dệ cho riêng cụ H thì đây vẫn là tài sản chung của cụ H và cụ Th, nên xác định phần đất tranh chấp có diện tích 19.230m^2 (theo đo đạc thực tế là 20.447,6m^2) tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 651163, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 28004/QSDĐ ngày 22/9/1995 do cụ Lê Văn H đứng tên quyền sử dụng là tài sản chung của cụ Th và cụ H.

Cụ Th yêu cầu được chia ½ tài sản chung giữa cụ H và cụ Th phần đất có diện tích 20.447,6m^2, cụ Th nhận phần đất diện tích 10.223,8m^2, ½ diện tích còn lại 10.223,8m^2 là di sản của cụ H. Ông U, ông D, ông Ng, bà N, bà S, bà B, bà Ch, bà U đồng ý với yêu cầu của cụ Th. Do đó, cụ Th yêu cầu được chia ½ tài sản chung giữa cụ H và cụ Th phần đất có diện tích 20.447,6m^2 là có cơ sở chấp nhận. Cụ Th được chia phần đất diện tích 10.223,8m^2, ½ diện tích còn lại 10.223,8m^2 là di sản của cụ H.

Về hàng thừ kế thứ nhất của cụ H: Các bên đương sự thống nhất xác định cụ H và cụ Th có 13 người con chung gồm: Ông Lê Chí Th, ông Lê Chí Ng, ông Lê Công Ng, bà Lê Thị N, bà Lê Thị S, bà Lê Bé B, bà Lê Thị T, bà Lê Thị Ch, ông Lê Hoàng D, bà Lê Thị U, bà Lê Thị Th (sinh năm 1984, chết năm 1987), ông Lê Hoàng Nh (sinh năm 1986, chết năm 1987), ông Lê Hoàng U. Ngoài ra, giữa cụ Th và cụ H không có con chung hay con riêng nào khác. Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H là cụ Th, ông Th, ông Ng, ông Ngh, bà N, bà S, bà B, bà T, bà Ch, bà U, ông D, ông U.

Về tờ di chúc: Các bên đương sự thống nhất xác định trước khi chết thì cụ H có lập tờ di chúc đề ngày 09/01/2017 (dương lịch), tờ di chúc là do cụ H tự viết và ký tên, nội dung di chúc để lại toàn bộ phần đất cho ông Lê Hoàng U và ông Lê Hoàng D. Trong tờ di chúc có thể hiện chữ ký của cụ Phùng Thị Th, tuy nhiên cụ Th xác định cụ Th không biết cụ H lập di chúc và không có ký tên vào trong di

chúc. Các đương sự đều thống nhất chữ Phùng Thị Th trong tờ di chúc là do cụ H tự viết, không phải là chữ viết của cụ Th.

Xét về tính hợp pháp của tờ di chúc: Các bên đương sự thống nhất xác định vào thời điểm lập di chúc cụ H còn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép.

Về hình thức: Tờ di chúc được lập thành văn bản do cụ H tự viết và ký tên phù hợp với quy định tại Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nội dung di chúc phù hợp với quy định tại Điều 631 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, xét về nội dung và hình thức tờ di chúc ngày 09/01/2017 do cụ H để lại là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cụ Th không thừa nhận có ký tên vào trong tờ di chúc, việc cụ H lập di chúc để định đoạt phần tài sản của cụ Th là không phù hợp. Xét thấy, phần đất có tiện tích theo đo đạc thực tế 20.447,6m^2 là tài sản chung giữa cụ H và cụ Th, nên việc cụ H lập di chúc định đoạt cả phần đất của cụ Th là không phù hợp. Do đó, xác định phần di sản của cụ H để lại theo tờ di chúc ngày 01/7/2017 là phần đất có diện tích 10.223,8m^2. Theo như di chúc thì phần di sản của cụ H để lại cho hai người con là Lê Hoàng D và Lê Hoàng U mỗi người một phần bằng nhau. Như vậy, ông D và ông U mỗi người được nhận phần di sản của cụ H chết để lại là phần đất có diện tích 5.111,9m^2.

[3] Cụ Th, ông D, ông U thống nhất với Chứng thư thẩm định giá số 220091/VIETTIN JSC-HCM ngày 29/9/2022 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Việt Tín, thống nhất phần đất diện tích 20.447,6m^2 có giá trị là 1.897.506.400 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu năm trăm lẽ sáu nghìn bốn trăm đồng). Đối với di sản của cụ Lê Văn H để lại thì ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng U mỗi người được nhận phần đất có diện tích 5.111,9m^2, trị giá 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Ông D và ông U yêu cầu nhận phần giá trị giao lại phần đất cho cụ Th quản lý, sử dụng, cụ Th đồng ý nhận đất, giao lại phần giá trị đất cho ông D và ông U. Do đó, buộc cụ Th có nghĩa vụ trả cho ông D và ông U mỗi người 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Cụ Th có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có chức năng để điều chỉnh giấy chứng nhận đất theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ông Lê Chí Ng, bà Lê Thị S, bà Lê Bé B, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị U có yêu cầu độc lập về việc chia di sản của cụ H để lại là phần đất có diện tích 10.223,8m^2 cho hàng thừa kế của cụ H theo pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Ng, bà S, bà B, bà Ch, bà U có yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, thống

nhất chia theo tờ di chúc của cụ H để lại cho ông D và ông U. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của ông Ng, bà S, bà B, bà Ch, bà U, số tiền tạm ứng án phí ông Ng, bà S, bà B, bà Ch, bà U đã dự nộp được nhận lại.

[5] Đối với ông Th, ông Ngh, bà T không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đối với tài sản có trên phần đất tranh chấp do ông D đang quản lý, sử dụng gồm có 01 căn nhà cây lá địa phương và 20 cây dừa do ông D và bà Mỹ cùng cất và trồng. Ông D và bà Mỹ tự nguyện di dời nhà và cây trồng có trên phần đất để giao đất lại cho cụ Th, không yêu cầu cụ Th bồi thường, hỗ trợ di dời. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị M về việc di dời 01 căn nhà và 20 cây dừa để giao lại cho cụ Phùng Thị Th phần đất có tổng diện tích 19.658,9m^2 gồm các cạnh M9, M10, M11, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, theo Bản hiện trạng ngày 21/4/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên Môi trường Dâng Phong. Phần đất tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

[7] Đối với các tài sản có trên phần đất tranh chấp của cụ H và cụ Th và hiện do cụ Th đang quản lý, sử dụng gồm 01 căn nhà chính (nhà cấp 4), 02 căn nhà phụ, 01 mái che, 01 cây nước, 01 cây mai vàng lớn, 01 cây nước. Đối với các tài sản này các bên đương sự thống nhất thỏa thuận giao cho cụ Th tiếp tục quản lý, sử dụng, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận với nhau, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về công sức cải tạo, giữ gìn đối với tài sản tranh chấp: Ông U, ông D trình bày phần đất cụ H chết để lại hiện nay vẫn còn giữ nguyên hiện trạng. Ông U, ông D không có cải tạo gì trên phần đất nên không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Tại cuộc họp gia đình ngày 18/7/2017 gồm cụ Th, bà B, ông Ng, ông U, ông D, bà T, bà S, bà U, bà Ch có thoả thuận để lại toàn bộ phần đất của cụ Th và cụ Dân cho ông U và ông D. Phần của ông U giao lại cho ông D quản lý, sử dụng đến khi cụ Th chết, ông D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông Ngh và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước (Ngân hàng) số tiền 40.000.000 đồng. Đối với số tiền này ông D đã trả cho Ngân hàng, tại phiên toà ông Ng là người đại diện theo uỷ quyền của cụ Th đồng ý trả lại cho ông D 20.000.000 đồng. Việc cụ Th đồng ý trả lại cho ông D số tiền 20.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của cụ Th về việc trả lại cho ông D số tiền 20.000.000 đồng.

[10] Đối với căn nhà của bà Lê Bé B có trên đất, cụ Phùng Thị Th và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với hợp đồng thuê đất giữa cụ Phùng Thị Th với ông Lê Hoàng D và hợp đồng thuê đất giữa ông Lê Hoàng D với ông Lê Hoàng U các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc với số tiền là 15.379.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 12.000.000 đồng, tổng cộng là 27.379.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Cụ Th, ông D, ông U phải chịu tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà cụ Th, ông D, ông U được nhận. Do đó, số tiền chi phí đo đạc, định giá cụ Th phải chịu là 13.689.500 đồng, ông D và ông U mỗi người phải chịu 6.845.000 đồng. Đối với số tiền nay cụ Th đã nộp xong do đó buộc ông D và ông U có nghĩa vụ trả lại cho cụ Th.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Cụ Phùng Thị Th là người cao tuổi và đơn xin miễn tiền án phí nên cụ Th được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Hoàng U được nhận giá trị phần đất với số tiền 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), số tiền án phí ông D phải chịu là 22.975.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông U có đơn xin giảm tiền án phí do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Tân Phong, thị xã Giá Rai. Do đó, Hội đồng xét xử giảm cho ông U 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí còn lại ông U phải chịu là 11.487.500 đồng (Mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông Lê Hoàng D được nhận giá trị phần đất với số tiền 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), số tiền án phí ông D phải chịu là 22.975.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông D có đơn xin giảm tiền án phí do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Hoà Mỹ, huyện Cái Nước. Do đó, Hội đồng xét xử giảm cho ông D 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí còn lại ông D phải chịu là 11.487.500 đồng (Mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 165, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 167, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959;

Điều 212, 609, 611, 612, 613, 623, 624, 625, 628, 630, 633, 659 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phùng Thị Th đối với ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng U về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của cụ Lê Văn H.

[1.1] Xác định phần đất diện tích 19.230m^2 (diện tích theo đo đạc thực tế là 20.447,6m2) tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 651163, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 28004, ngày 22/9/1995 là tài sản chung của cụ Lê Văn H và cụ Phùng Thị Th, mỗi người được ½. Cụ Phùng Thị Th được chia phần đất có diện tích 10.223,8m^2 tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau, trị giá 948.753.200 đồng (Chín trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng). Phần đất còn lại diện tích 10.223,8m^2 tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau là di sản của cụ Lê Văn H.

[1.2] Công nhận tờ di chúc ngày 09/01/2017 của cụ Lê Văn H đối với phần đất có diện tích 10.223,8m^2.

- Ông Lê Hoàng D được nhận thừa kế của cụ Lê Văn H phần đất có diện tích 5.111,9m^2 tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau, trị giá 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Lê Hoàng U được nhận thừa kế của cụ Lê Văn H phần đất có diện tích 5.111,9m^2 tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau, 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Công nhận sự thỏa thuận giữa cụ Phùng Thị Th với ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng U về việc: Giao phần đất của ông Lê Hoàng D, ông Lê Hoàng U được

nhận thừa kế mỗi người là 5.111,9m^2 cho cụ Phùng Thị Th sử dụng, cụ Th có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng D phần giá trị đất với số tiền 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), trả cho ông Lê Hoàng U phần giá trị đất với số tiền 474.377.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Cụ Phùng Thị Th có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có chức năng để thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị M về việc di dời 01 căn nhà và 20 cây dừa để giao lại cho cụ Phùng Thị Th phần đất diện tích 19.658,9m^2 gồm các cạnh M9, M10, M11, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, theo Bản hiện trạng ngày 21/4/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên Môi trường Dâng Phong. Phần đất tọa lạc tại Ấp RD C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Vị trí tứ cận:

- Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Trần Quốc Khởi cạnh M2, M3, M4, M5, M6;

- Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn Nhiều cạnh M9, M8, M7;

- Hướng Đông giáp phần đất của bà Lý Thị Đẹt cạnh M6, M7;

- Hướng Tây giáp phần đất của cụ Phùng Thị Th đang quản lý, sử dụng cạnh M11, M2 và giáp với Kinh Lộ Xe cạnh M9, M10.

(Có bãn vẽ hiện trạng kèm theo).

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Phùng Thị Th về việc trả lại cho ông Lê Hoàng D số tiền mà ông D đã trả cho Ngân hàng Nông Ngh và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

[4] Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Chí Ng, bà Lê Thị S, bà Lê Bé B, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị U về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lê Văn H.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản là 27.379.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng), cụ Th phải chịu là 13.689.500 đồng, ông D và ông U mỗi người phải chịu 6.845.000 đồng. Đối với số tiền này cụ Th đã nộp xong, do đó buộc ông D và ông U có nghĩa vụ trả lại cho cụ Th mỗi người là 6.845.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[6] Kể từ ngày cụ Th, ông D, ông U có đơn yêu cầu thi hành án, bên nào có nghĩa vụ thi hành các khoản tiền nêu trên mà không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Phùng Thị Th được miễn toàn bộ tiền án phí.

Ông Lê Hoàng U phải chịu là 11.487.500 đồng (Mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông Lê Hoàng D phải chịu là 11.487.500 đồng (Mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông Lê Chí Ng không phải chịu án phí, ông Ng có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008650 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Bà Lê Thị S không phải chịu án phí, bà S có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008652 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Bà Lê Thị U không phải chịu án phí, bà U có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008651 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí, bà N có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008653 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Bà Lê Bé B không phải chịu án phí, bà B có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008654 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Bà Lê Thị Ch không phải chịu án phí, bà Ch có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008655 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

[8] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[9] Án xử sơ thẩm công khai cụ Phùng Thị Th, ông Lê Chí Ng, bà Lê Thị N, bà Lê Thị S, bà Lê Bé B, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị U, ông Lê Hoàng U, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Hoàng D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Chí Th, ông Lê Công Ng, bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ